

# KINH TỐI THẮNG VẤN BỒ-TÁT THẬP TRỤ TRỪ CẤU ĐOẠN KẾT

## QUYỂN 4

### Phẩm 10: THÀNH ĐẠO

Khi ấy, Bồ-tát Tối Thắng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát bậc thứ mười đối với Địa thứ mười được hạnh thanh tịnh như thế nào?

Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Tối Thắng:

–Đó là Bồ-tát tu đạo thần thông vi diệu độ khắp chúng sinh, dùng văn tự diễn bày thông suốt về tính không của các pháp, siêng tu giữ giới. Công đức của vị ấy nhiều vô lượng không thể nghĩ bàn, không có giới hạn, tất cả loài người không thể bì kịp. Trời, rồng, quỷ thần và tôn thần khen ngợi công đức của vị ấy cũng không nói được, bậc Hiền thánh cũng không thể nói hết nếu có nói ra chỉ là văn tự, Bồ-tát thị hiện thần túc đến khắp các cõi nước ở mười phương để hầu cận, đảnh lễ chư Phật Thế Tôn, lại nhập vào Tam-muội Định ý giải thoát, đến khắp hằng hà sa cõi nước chư Phật, được gặp các bậc Chánh giác, nghe pháp cao thượng vượt qua các nghiệp tà, vững chí sáng suốt, không bị lay động, tâm như hư không, không có tưởng niệm, phân biệt hiểu rõ sự sinh diệt của pháp giới; giáo pháp vị ấy nói ra đều hợp ấn thánh, tự tại trong Tam-muội không có sai phạm. Giáo pháp mười phương chư Phật nói ra cùng với pháp luật của bậc thánh không trái ngược nhau, lời nói ra vi diệu thù thắng; quán sát các thế giới đều bình đẳng như hư không, ý nhớ nghĩ đầy đủ pháp môn giải thoát. Bồ-tát Nhất sinh bổ xứ biện luận thông suốt, cứng hợp căn cơ, tâm hưởng ứng với đạo tuệ. Thế nào là tâm? Thế nào là đạo tuệ? Thông suốt sách vở thế gian, thị hiện đi vào nghiệp tà, đó là tâm. Chuyên tinh nhất tâm nơi pháp xuất thế đó là đạo tuệ. Xả bỏ sự keo kiệt, làm việc bố thí không nghĩ đến sự báo đáp, giữ tâm hòa thuận, suy xét rõ ràng đó là tâm. Vào định vắng lặng, không khởi các tưởng, sống đạm bạc, không xa lìa giới hạn của bậc Thánh, đó là đạo tuệ. Nếu ở tại sinh tử mà siêng tu các pháp thì dù ở trong đó cũng không nhầm chán, đó là tâm Bồ-tát. Nếu Bồ-tát ở nơi không yên ổn trong tám nạn, tâm không khởi điên đảo thấy có hai, có thể vượt qua hoàn toàn các bệnh, đó là đạo tuệ. Đối với pháp thế gian, khen ngợi Niết-bàn là đạo vô vi, công đức đã tạo không hề hao tổn, đó gọi là tâm. Đối với pháp không Bồ-tát đều tự tại, thấu đạt sự thanh tịnh không thật có, đó là đạo tuệ. Quán sát người ở trước mặt, tùy theo căn cơ của họ mà phân biệt, nói pháp thích hợp, đó là tâm. Bồ-tát nhập định, bằng tuệ quán từ một pháp cho đến trăm, ngàn tướng của các pháp đó là đạo tuệ. Quyết định ban cho những vật sở hữu như: đất nước, của cải, vợ con mà không có sự luyến tiếc, đó là tâm. ở nơi bình đẳng, không có đạo ba thừa, đến đạo tràng thanh tịnh, quy y Phật đạo, đó là đạo tuệ. Đó là Bồ-tát bậc thứ mười, đạo tâm đã đi vào khắp nơi, giữ gìn thân, miệng, không buông lung, khen ngợi đủ tám điều tâm niệm của bậc Đại nhân, nghĩ đến hạnh ít muốn biết đủ, tu tập giữ giới không có nhiễm ô, có thể làm sạch phiền não cho chúng sinh. Nếu thấy chúng sinh nào tự khen mình, chê người, tự đại, cống cao, kiêu mạn, ý mình giàu có, thường nhớ nghĩ các pháp bất thiện, dâm dật, sân

hận, ngu si, hạng người như vậy, Bồ-tát có thể nói đức nhẫn nhục, khiến họ thuận theo, đạt được Vô sinh nhẫn, ở trong đạo lập chí siêng năng thì các nguy hiểm không đưa đến được, ý dũng mãnh tinh tấn, tâm không thoái lui, biết rõ tất các công đức đã tạo tác, không thấy có sự tập hợp mãi, cũng không thấy có sự phân tán hẳn, phước nghiệp đã tạo không có chỗ trụ, không phải không có chỗ trụ, đều cùng tương ứng mà không có sự tương ứng, không thấy có tương ứng, không thấy không tương ứng, không tương ứng chẳng tương ứng, đó là quán sát kỹ, tâm thương ưa thích pháp môn tiền định giải thoát, suy nghĩ về bốn cách ăn, trừ bỏ sự tham đắm, quán sát tận diệt không khởi định ý, đã nghe thì ghi nhớ, có thể đọc tụng, tuệ không tán loạn, hiểu rõ nguồn gốc không có xứ sở, muốn tìm nguồn gốc cũng không thể được. Bồ-tát vì các chúng sinh nên thuyết giảng ba mươi bảy phẩm trợ đạo, hiểu rõ pháp không vô tướng, vô nguyện, thường phụng trì tôn trọng Phật đạo, tùy theo đối tượng khiến họ đắc đạo quả. Chư Phật Thế Tôn đã từng thuyết giảng cũng không ngoài lẽ ấy, nhân đó phát xuất chân đế, cho đến diệt độ cũng như vậy, không có tâm tạp loạn vọng tưởng khác. Như vậy, này Tối Thắng! Bồ-tát bậc thứ mười dùng phương tiện quyền xảo không bị ngăn ngại, vì không ngăn đạo nên tu tập đến Chánh giác, vì các chúng sinh mà chuyển pháp luân, khiến họ được địa kiên cố không thoái chuyển. Bồ-tát bậc thứ mười lập vững thệ nguyện, cứu độ chúng sinh không sợ nguy khó. Ví như thợ giỏi làm dấu ấn cho người, biết họ tên người ấy, liền ghi nhớ để làm con dấu, tùy loại ghi nhớ không có nhầm lẫn. Bậc Đại sĩ Bồ-tát cũng vậy, dùng ấn Hiền thánh, ấn vào sinh tử, tùy theo đối tượng mà hiện ra không hề sai lầm, cần phải suy nghĩ thế này: “ấn không phải là cục bùn, bùn không phải là ấn nhưng nó có khả năng hiện ra tên họ, danh hiệu.” Thánh tuệ của Bồ-tát cũng như vậy, đem bảo ấn trí tuệ, ấn vào chúng sinh, tùy theo khả năng mà hiện ra tên gọi, liền thể sinh giáo lý ba thừa. Giống như gieo lúa vào ruộng tốt thì cây lúa dần dần trưởng thành. Lúa hư, mầm sinh thì không còn trở lại như cũ nữa. Suy nghĩ kỹ thì mầm không phải là hạt giống, cũng không lia hạt giống. Bồ-tát Đại sĩ cũng như vậy, đầy đủ nhân duyên mới giảng pháp luật, quán các chúng sinh đã có phiền não, ba tai họa, sáu trần, mười hai nhân duyên, tà, nghi, thân kiến, vọng tưởng điên đảo, liền vì họ mà thuyết giảng về pháp khổ, không, vô thường, vô ngã, sau đó mới thuyết theo đúng pháp tánh, phân biệt Khổ, Tập, Diệt, Đạo, bỏ gánh nặng xuống, hoàn toàn được tịch diệt, lại nên xét kỹ về nguồn gốc nhân duyên sinh ra khổ não ấy, đều do vô minh, không có trí tuệ đưa đến sinh, già, bệnh, chết, khổ não. Ta phải tìm cách tiêu trừ các bệnh ấy, dần dần làm cho họ đi vào pháp luật của Hiền thánh. Do vô minh diệt nên sinh, già, bệnh, chết hoàn toàn không còn. Bồ-tát diễn nói pháp không quán tịch nhiên làm cho người nào biết quay về thì có chỗ nương tựa, trí tuệ sáng suốt, thông đạt đến giải thoát, chúng sinh đều tôn sùng, tu tập. Trí vi diệu hiểu rõ thâm đục, sân giận, ngu si đều không sai khác, suy tìm đến nguồn gốc cũng vậy, nên trừ được cái niệm vọng tưởng, hoàn toàn không còn hối hận sinh tâm thêm bớt, xa lìa tất cả ấm, cái và kết sử trói buộc, tâm không bị chướng ngại, thường được tự tại trong pháp môn giải thoát, ca ngợi công đức Tam bảo, thường suy nghĩ xa lìa nguy hiểm của tham dục, có thể ban bố công đức đã huân tập cho chúng sinh. Bồ-tát tinh tấn đối với pháp môn ấy không còn nghi ngờ, chỉ dạy không tuệ, khai mở dẫn dắt chúng sinh, các pháp đã học hoàn toàn không chấp trước, lần lượt thành tựu không thoái chuyển, tuyên dương kinh điển, làm thanh tịnh cõi Phật dẫn dắt chúng sinh đi vào cảnh giới Phật, làm cho họ được giải thoát, không còn sinh diệt. Đó là kinh điển vô thượng của Thế Tôn. Bồ-tát nên quán thế này để nhập vào Địa thứ mười không thể nghĩ bàn, tu

tập pháp môn bình đẳng không hai, thông hiểu ba đời, không đoạn mất Tam bảo, từ bỏ ba cấu uế, thành tựu ba môn giải thoát. Bồ-tát đối với họ biểu hiện sự việc không thể nghĩ bàn, từ lúc mới phát tâm cho đến Địa thứ mười, thường khen ngợi sự tu hành, giữ giới của Bồ-tát, hương thơm giới đức xông tỏa khắp nơi, được thành tựu các tuệ thông suốt, có thể diễn thuyết vô lượng pháp môn, đối với văn tự không còn chấp trước, cũng không phân biệt nơi chốn, hiểu rõ cảnh giới. Nếu bậc Hữu học thức lệ thuộc nơi sắc, tâm thuận theo, mang hy vọng bị trói buộc không bỏ, đi trong sinh tử, xoay vòng qua lại, ý thường mê loạn không thể tự cứu, bị lưới nghi ấy thì rơi vào sinh tử, luân hồi trong năm đường không có lúc dừng nghỉ. Bồ-tát giữ tâm chân chánh, chế ngự các loạn tưởng, không chạy theo năm ấm mà đoạn trừ ấm, cái; cũng không cho sắc, thọ, tưởng, hành, thức có sinh, có diệt, tư duy về pháp quán hơi thở ra, vào; phân biệt sắc do tứ đại tạo ra; đất, nước, gió, lửa đều có tự tánh riêng của nó. Nếu làm cho thức kia không ở nơi năm ấm thì có thể thành tựu, không hoại pháp giới, thức không chạy theo mười hai trần lao: mắt nhìn sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý đối với pháp. Đó là thức của tuệ căn vô lậu, không phải là thức của sinh tử nhiễm ô. Nếu không chạy theo các pháp bên ngoài thì không còn mong cầu. Giả sử có nơi nương tựa, liền sinh thức tưởng, có sự mong cầu cũng gọi là thức. Bồ-tát phải học không lệ thuộc nhập nào cả nên tâm không sinh niệm, không có sự ưa thích, công lao bố thí không cầu đáp trả. Đây là loại thức hữu vi hữu lậu, tu hành vô vi mới là vô thức. Bồ-tát thấp sáng đèn trí tuệ, dựng đốc vô vi, chiếu ánh sáng lớn, hiển bày giáo pháp thù thắng không gì bằng, chỉ cầu sự chết thực bên trong, không tìm sự trau chuốt bên ngoài. Ở nơi đạo, Pháp thân Bồ-tát không ai sánh bằng, có thể ở khắp các cõi nước chư Phật hiện ra trong ấy, tự tại không sợ hãi; lại đối với các pháp, hoàn toàn không nắm giữ, cũng không chọn lựa, không thấy có cao thấp, tâm được tự tại, không khiếm sợ, tùy theo ngôn ngữ của họ để giáo hóa, hoặc vì chúng sinh mà nói pháp môn sâu xa, tạo ra điều kiện để họ từ bỏ tất cả, hiểu rõ được tâm niệm của chúng sinh, ý muốn hướng đến thiện, ác, đều đem họ đến khắp cõi nước chư Phật. Chư Phật Thế Tôn đã tu pháp bình đẳng, không thấy chúng sinh và cõi Phật thanh tịnh. Nếu thấy có sự tu hành là hủy bỏ pháp giới do đó tâm Bồ-tát không có chỗ trụ. Nếu thấy có chúng sinh là trụ nơi phân biệt nên đối với pháp tánh sinh ra sự ràng buộc do nhận thức; không khởi không diệt, thức không chỗ trụ, đó là đạo tuệ vô vi thanh tịnh. Nếu không có pháp bình đẳng đạo tuệ thì chư Phật Thế Tôn không từ mẫn xuất hiện ở đời. Thệ nguyện của Bồ-tát hành theo nghiệp vốn là không, cũng không dừng nơi thệ nguyện đó mà đạt đến lẽ tự nhiên, không có siêng năng để được thành tựu, không thấy nhàm chán có sự lười biếng; đối với pháp quán bình đẳng, không sinh, không diệt, dừng mãnh tinh tấn nên được thọ ký Bồ-tát, có thể phân biệt hoàn toàn kinh điển, chọn lấy trí tuệ, vứt bỏ phiền não, quán sát sinh tử và diệt độ không khác nhau, thường nhớ nghĩ nghĩa thâm sâu của kinh điển, dò xét xa gần đều vắng lặng không có dấu vết, dù độ chúng sinh cũng không nhớ tưởng, thân gần tri thức, tâm không đấm trước, không chấp ngã và tuổi thọ, suy nghĩ phân biệt về Không, Vô tướng, Vô nguyện đều không sinh không diệt; hoặc ở trong cõi Dục suy nghĩ về ái dục ô uế, bất tịnh, hoặc thọ thân ở cõi Sắc, vô sắc biết rõ sự bất tịnh, vì muốn khai ngộ giáo hóa chúng sinh mê hoặc nên nói nghĩa chân đế này, phân biệt “không” “vô” đều không có nơi chốn, không thấy tạo tác có hình chất, không tạo không tác, không thấy nương tựa, trụ nơi không chỗ trụ, cũng không căn bản, không thấy đọa vào ba đường ác, không thấy sinh lên cõi trời đầy đủ thức ăn tự nhiên chỉ bày rõ đường vào đạo mà không có sự

mong cầu, không có đối tượng tạo tác, đối với các pháp quán đạt đến lẽ tự nhiên, tướng các pháp cũng không cùng tận, giống như hư không, không có ranh giới. Bồ-tát bậc thứ mười dạy người bố thí, không có tư tưởng ngăn ngại, bằng cách bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, tuyên dương trí tuệ, phương tiện quyền xảo, Từ, Bi, Hỷ, Xả, cứu giúp kẻ nghèo khổ, phát triển đạo lớn. Bồ-tát bậc thứ mười tuy chưa ngồi tòa Như Lai nhưng có thể thông suốt nguồn biển tuệ, làm thanh tịnh trang nghiêm cõi nước, phóng ra ánh sáng lớn chiếu khắp chúng sinh, đem chánh pháp giáo hóa họ trở về với đạo, lập vững tuệ nghiệp, thành tựu Đại thừa, được mười phương chư Phật luôn ủng hộ và dùng oai thần trợ giúp thêm công đức cho vị ấy, cho đến lúc thành Phật được nhất thiết chứng đạo Vô thượng không để cho chúng ma quấy nhiễu. Bồ-tát bậc thứ mười biết được công đức đã đầy đủ, muốn thành Phật ngồi dưới gốc cây Bồ-đề, trước tiên nên tu tập bốn Niệm xứ, phân biệt thân, ý đều có tánh riêng của nó, liên tục quán sát sự sinh, diệt, hưng, suy của thân, tâm tụ vui mừng hoàn toàn xa lìa khổ não. Bằng định tinh tấn, Bồ-tát quán thân này do nhân duyên hợp thành, suy nghĩ kết quả thân này do nhân duyên hòa hợp thì tại thành, nhân duyên tan hoại thì mất đi, nên biết thân này không có chủ thể, cũng không đáng tham. Vì sao lại chấp trước sắc thân này? Chớ nên chạy theo sự mê hoặc của năm ấm, bốn đại, cái nhập. Thân này là không vì không thấy bốn đại là pháp của ngã, chỉ do các hành tích tập nhiều kiếp nay mới có được. Vì sao chấp trước thân mong manh không kiên cố này? Nay ta được sắc thân Như Lai và Pháp thân Phật, sắc thân là do tích tụ công đức giống như kim cương không thể bị hoại. Thân hữu lậu của thế tục đầy khắp hằng hà sa thế giới trong mười phương không bằng công đức như đầu sợi lông của sắc thân Như Lai. Bồ-tát tự nghĩ: “do vô lượng công đức mới thành tựu sắc thân này. Nay nhờ vào hình tướng này nên nhận được Pháp thân của Như Lai, lợi trong sinh tử, qua lại năm đường, chịu vô lượng khổ không thể kể hết. Nay thọ sắc thân của Như Lai không còn nghĩ đến tai họa, khổ não ngày xưa đã chịu. Từ nay mãi mãi xa lìa các phiền não, không còn tham đắm vào năm dục;” quán thân mình, rồi quán thân người khác đều không nơi chốn, tu tập hạnh thanh tịnh, không còn lỗi lầm, đó là Bồ-tát tu Pháp thân niệm xứ.

Bồ-tát suy nghĩ pháp thọ niệm xứ như thế nào? Đó là từ lúc mới phát tâm cho đến lúc thành Phật, trong khoảng thời gian đó, Bồ-tát chịu nhiều thống khổ không thể kể hết, chuyên tâm lập chí không thể mong cầu Phật đạo, không nhớ nghĩ đến những thống khổ đã trải qua. Nếu thấy người đang đau khổ, đi vào nẻo ác, Bồ-tát liền cứu vớt họ, khiến không còn khổ, thường nghĩ đến chúng sinh không tự tỉnh ngộ, quyết không để họ rơi vào sự trôi buộc của dục. Từ xưa đến nay, xúc và thọ của ta không thật, không có, đều không có chỗ sinh khởi. Giả sử có cảm thọ không khổ, không lạc thì đó là vô ký không thể gọi tên. Người tu tập tham đắm lạc thọ thì tự mình xa lìa chỗ ngồi của Như Lai, không thích ứng với giới luật của Như Lai, không thích ứng với giới luật của chư Phật. Từ nay mãi mãi dứt hẳn không còn sống theo cảm thọ, khiến chúng sinh quán thọ không có chủ thể. Hoặc chúng sinh kia đối với sắc thọ cảm thọ hoặc tốt, hoặc xấu; đối với sắc đáng ưa, sắc không đáng ưa, sắc do bốn đại: địa, thủy, hỏa, phong tạo ra thì khiến họ biết rõ điều vắng lặng, không thật có; hoặc có chúng sinh trước khổ, sau vui; hoặc có chúng sinh trước vui, sau khổ nên thuyết kinh thâm sâu để họ làm chủ cảm thọ như mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý cùng với sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp từ nhân duyên sinh cũng từ nhân duyên diệt nên suy nghĩ khổ, vui đều không khổ, vui; lại nên phân biệt cảm thọ trong ngoài: hoặc có lạc thọ sinh ở hiện tại, hoặc quá khứ, hoặc vị lai; hoặc

có lạc thọ từ ái trói buộc sinh ra nên thức càng thêm đắm trước, không thể xa lìa; hoặc có lạc thọ từ si ái sinh ra nên tư duy chánh quán, mới được tiêu diệt, hoặc có lạc thọ do tà nghi sinh ra dần dần tăng trưởng nên dùng bốn vô thường trừ bỏ khiến không còn sinh; hoặc có lạc thọ từ bốn thọ sinh ra thì dùng định vô tướng để diệt trừ các thọ; hoặc có lạc thọ từ năm ấm sinh ra nên tư duy về pháp bảy Giác chi, khiến không còn sinh; hoặc có lạc thọ từ sáu pháp nơi thân sinh ra thì phân biệt rõ Không, Vô tướng, Vô nguyện, hoặc có lạc thọ từ bảy thức sinh ra thì phải lập chí tinh tấn, không tạo các duyên; hoặc có lạc thọ từ tám pháp thế gian sinh ra thì nên hạ mình, không nên cao ngạo; hoặc có lạc thọ từ chín phiền não sinh ra thì phải cố gắng hoàn toàn, xa lìa chín xứ; hoặc có lạc thọ từ mười tai họa sinh ra thì phải bỏ sự mong cầu, không nghĩ đến của cải không chân chánh; hoặc có lạc thọ từ bảy vực sâu và bốn kết sử sinh ra thì phải suy nghĩ ánh sáng lớn của trí tuệ; hoặc có lạc thọ từ chỗ ở của chín loại chúng sinh và ba pháp quán sinh ra thì phải giữ ý vào định không tịch; hoặc có lạc thọ không phải nhân quá khứ, hiện tại, ái vị lai, hoặc không phải nhân vị lai, hiện tại, ái quá khứ, hoặc không phải nhân quá khứ, vị lai, ái hiện tại hoặc không phải nhân quá khứ, ái vị lai, hiện tại, hoặc không phải nhân vị lai, ái quá khứ, hiện tại, hoặc không phải nhân hiện tại, ái vị lai, quá khứ. Đối với các pháp ấy, Bồ-tát suy nghĩ về bảy xứ và ba pháp quán, diệt trừ mười ba thứ độc hại rục rịch. Khi ấy Bồ-tát suy nghĩ tiếp về sự sinh khởi của lạc thọ, hoặc có lạc thọ do tám tà kiến và sáu thức ở thân cùng nhau gặp gỡ sinh ra lạc thọ, nên càng phát triển ấm, trần, các nhập. Đó là Bồ-tát dùng quán giải thoát, phân biệt thọ này hoàn toàn không còn; hoặc có lạc thọ và mười pháp bất thiện, ô uế-làm nhân duyên cho nhau, bằng tuệ nghiệp đoạn trừ năm loại lưới nghi. Nếu hiện tại sinh thì diệt trong hiện tại cũng không cho sinh trong vị lai, nếu đã sinh quá khứ thì cũng diệt trong hiện tại, đó là Bồ-tát dùng quán giải thoát diệt trừ mười lăm lưới nghi. Bồ-tát phải suy nghĩ pháp niệm xứ như thế nào? Bồ-tát này giữ ý, chế ngự tâm tán loạn làm cho chuyên nhất, có tạo tác quyết chắc có đối tượng, tự quán tâm mình, rồi quán tâm người khác, tâm ổn định không thay đổi thì đến chỗ nào, đi, lại, ra, vào, cử động đều nhẹ nhàng, luôn luôn tinh cần hộ trì tâm mình: có duyên nó sinh, không duyên nó diệt, không duyên nó sinh, có duyên nó diệt, ở nơi mình duyên khởi thì do nơi mình duyên diệt, ở nơi người khác duyên khởi thì ở nơi người khác duyên diệt, hoặc duyên khởi, diệt cũng không ở trong, không ở ngoài, không ở giữa; đối với bên trong có duyên khởi, diệt hay không duyên khởi, diệt, hoặc do tham dục, sân hận, ngu si, bảy kết sử, bảy mạn, bảy kiết trụ, bảy giải, bảy quán, bảy nhãn tuệ nghiệp, hoặc nhân đây mà có duyên khởi, diệt hay không duyên khởi, diệt đều do nơi tâm, nhân nơi tâm sinh ra bốn mươi lăm pháp tối tăm này ý thức đã tạo tác mà không tự biết, ý không biết ý thì cái gì là nguồn gốc, đã không nguồn gốc thì làm gì có ý? Bồ-tát phân biệt tâm, ý, thức, pháp, thông đạt qua lại không có nơi chốn. Đó là Bồ-tát dùng quán giải thoát biết nguồn gốc của tâm duyên không thể nắm bắt được, cũng không thấy tâm hợp với thiện, ác, không hợp chẳng hợp thích ứng với quán giải thoát. Bồ-tát lại suy nghĩ mười hai nhân duyên sâu xa không cùng tận: đối với quả đã trồng thì báo ứng không mất, đối với pháp giới tâm không đắm nhiễm; quán pháp giới từ nhân duyên sinh thì biết rõ các pháp không thật có, tự nhiên vắng lặng, nương nhau tồn tại, chỗ tạo tác của tâm không có hình chất cũng không thấy được, tìm tướng mạo cũng không thấy màu sắc hình tướng. Bồ-tát thông đạt thánh tuệ liền nhập vào pháp vô sinh, không còn sinh khởi, không trụ ở quả vị Thanh văn, Duyên giác, thường tự giữ ý thuận theo Phật pháp, bên trong vui mừng tự suy nghĩ: “Nay ta đã hàng

phục được tâm, bỏ tham chấp sinh tử, nhập vào biển trí tuệ, do đó ta được đạo Vô thượng chân chánh thành Tối chánh giác”. Đó là Bồ-tát đối với pháp Niệm xứ được tự tại.

Bồ-tát đối với pháp Niệm xứ, quán sát phân biệt như thế nào? Đó là Bồ-tát tu tập chánh pháp ban đầu không quên mất cho đến lúc thành Phật đạo cũng không xả bỏ, bên trong tự quán pháp mình, bên ngoài quán pháp người. Bồ-tát biết tướng các pháp không một, không hai, cũng không ba, bốn, đều quy về nơi Không, Vô tướng, Vô nguyện, các pháp đều bình đẳng, xa lìa tà kiến, phân biệt nguồn gốc của mười hai duyên khởi, thường nhớ nghĩ sự thành, bại, thịnh, suy của pháp giới, hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi, pháp thiện, pháp ác, hữu ký, vô ký. Lúc ấy, Bồ-tát suy nghĩ quán sát tự sinh thức tướng, không lệ thuộc pháp giới, không thấy phi pháp và ngã, cũng không khởi niệm phân biệt người, tuổi thọ. Hoặc có Bồ-tát tự khởi pháp tướng chấp trước ngã của mình, nuôi dưỡng mạng sống kia, suy nghĩ về đoạn diệt, vô thường là có thường, vạn vật trong thiên hạ đều không tồn; đối với vô thường, chấp không có hợp tan, hoặc đối với các pháp sinh tướng điên đảo: không tự nó thường không, có tự nó thường có, không thì không sinh có, có thì chẳng sinh không, không tự nhiên sinh, không tự nhiên diệt, không chẳng tự thấy ngã tự nhiên có, có chẳng tự thấy ngã tự nhiên không. Bồ-tát bậc thứ mười dùng trí tuệ thông suốt phân biệt có không, diệt trừ chấp thường về ngã, nhân, tuổi thọ đều bình đẳng không thật có, quán sát bậc nhất nghĩa không vi diệu, bậc nhất tánh không cũng không sinh có, có tự thường có, không biết sự không của không, không tự nó thường không, không biết sự có của có. Bồ-tát dùng tuệ phân biệt: có tự tánh là không, không tự tánh cũng không, không chẳng tạo có, có chẳng tạo ra không; chấp có, chấp không là pháp sinh tử không phải là pháp Niết-bàn bậc nhất, không tự nó chẳng phải là không, không mà không biết không, không tự tánh là không; có tự nó không phải là có, có mà không biết có, có tự tánh là không, có tức là không, không tức là có, cho nên, đối với tánh các pháp, Bồ-tát phân biệt từng loại, suy nghĩ phân biệt tất cả các pháp là thường, vô thường, sinh diệt thường đoạn, hữu vi, vô vi, hữu lậu, vô lậu, pháp thiện, pháp ác, hữu ký, vô ký, có tên gọi, không có tên gọi cũng đều vắng lặng, cũng không thể ghi nhận được cái tịch diệt đó, tự quán pháp mình và quán pháp người, đối với các tướng chấp trước cũng không suy nghĩ về tướng, hiểu rõ pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện, đối với pháp giới tìm cầu Phật pháp và cấm giới đều không nơi chốn, cũng không đường đi, không thấy đồ người đạt đến giải thoát, cũng không thấy chìm đắm trong sinh tử, ở trong pháp đó khai mở dẫn dắt tất cả chúng sinh, có thể phát tâm đại Bi không bị ngăn che, đối trị các bệnh phiền não, hiểu rõ các kết sử trói buộc là không thật có, phân biệt năm đường, bình đẳng dạy dỗ, tuy ở trong cõi Dục mà không có khiếp sợ, hiểu rõ ba độc nên không bị ngăn ngại, đạt đến chỗ này gọi là bậc Đại sĩ. Bồ-tát an trụ vào đạo phương tiện quyền xảo không thể nghĩ bàn, Khổ, Tập, Diệt, Đạo đều trở về tự nhiên, ở trong tự nhiên không thấy sinh diệt, tâm ý như hư không, không thật có, không nghĩ đến chỗ ở, tìm cầu pháp giới, hư không giới và chỗ ở của chúng sinh cũng không chỗ trụ, tất cả các pháp đều bình đẳng như hư không. Đó là Bồ-tát tùy lúc dẫn dắt thuận theo đạo pháp, tuy độ chúng sinh cũng không thấy độ Bồ-tát nào quán pháp tư thân và quán pháp người khác thì có thể tự ngăn chặn tâm đạt được trí tuệ, biết rõ các pháp đều trở về giải thoát, có thể giáo hóa tất cả chúng sinh, hiển bày đạo chân chánh vô thượng, được pháp vô vi tự nhiên, không thấy chỗ sinh, không bỏ pháp vô sinh, vô khởi diệt. Đó là Bồ-tát đối với pháp Niệm xứ được tự tại.

Đức Phật lại bảo Tối Thắng:

–Bồ-tát thứ mười phải nên suy nghĩ pháp tứ chánh cần, thường nhớ nghĩ phân biệt hiện tại trước mặt pháp ác chưa sinh thì ngăn chặn không cho sinh, pháp ác đã sinh thì làm đoạn diệt, pháp thiện chưa sinh thì mong cầu sinh khởi, pháp thiện đã sinh thì làm tăng trưởng, thường phải siêng năng, tinh tấn tu tập, tự giữ tâm mình không cho tán loạn, từ xưa đến nay, nhờ công đức tạo được nên không mất oai nghi phép tắc, hành động bình đẳng nên có thể chế ngự được tâm, suy xét những lỗi lớn trong tai họa là do ba căn bất thiện làm đọa vào nẻo ác, luân hồi trong năm đường không có dừng nghỉ. Vì thế Bồ-tát phải siêng năng, tinh tấn tu hành mới có thể tiêu diệt nguồn gốc ác bất thiện, không còn sinh loạn tưởng nữa, thường tự quán sát kết quả của pháp bất thiện. Việc làm xấu ác này không phải đạo chân chánh. Nay ta xa lìa các việc phi pháp, tu tập bậc nhất nghĩa, diệt hết phiền não, trừ sạch sân giận, phân biệt nguồn gốc mười hai nhân duyên, pháp lành chưa có thì tạo lập công đức làm sinh mầm móng, không cho hư hoại, làm thanh tịnh tâm mình không còn lỗi lầm, không bị lệ thuộc vào các dục trời buộc trong ba cõi, xa lìa sự đăm trước, hoàn toàn không còn vướng mắc, có thể dẫn đến Nhất thiết trí, đối với các tuệ sâu xa không bị tổn giảm cho nên công đức đã đạt được đều do siêng năng mà thành đạo quả. Đó là Bồ-tát đối với pháp Tứ chánh cần được tự tại.

Bồ-tát này lại nên suy nghĩ, phân biệt thần túc. Bồ-tát tuy được định ý thần túc, lúc sắp thành đạo ở Địa thứ mười cần phải tu tập định như lúc mới học, phải chuyên tâm nhập định, suy nghĩ về bốn vô lượng tâm, tăng thêm tâm thương xót tất cả. Bồ-tát cân bằng thân và tâm, chuyên chú nhập vào thiền thứ nhất lại nhập vào thiền thứ hai, lại chuyên tâm ra khỏi Sơ thiền, nhập vào thiền thứ ba; ở trong thiền ấy nhất tâm suy nghĩ, ra khỏi thiền thứ ba lại nhập Sơ thiền; ở trong thiền ấy biến hiện thần túc, ra khỏi Sơ thiền rồi nhập vào thiền thứ tư. Khi ấy Bồ-tát ở trong thiền thứ tư biến hiện thần túc; dùng thân nâng tâm, dùng tâm hỗ trợ thân, ban đầu như hạt cải, chuyển dần lớn như hạt đậu rồi lớn dần như trái nho, siêng năng tăng thêm cho đến hai mươi mốt ngày, thân, tâm nhẹ nhàng không còn ngăn ngại. Cho nên Bồ-tát lại nhập vào định ý và thí nghiệm thần túc, có thể nương thần túc biến hóa ra một ức người, đứng vững không thoái lui, thành tựu định thần túc. Bồ-tát lại thị hiện thần thông khắp nơi không cùng tận, từ cõi Diêm-phù-đề đến cõi trời thứ nhất, thứ hai, thứ ba cho đến cõi trời thứ sáu. Chư Thiên thấy rồi đều nghĩ thế này: “Hôm nay Bồ-tát thị hiện thần thông phát ra ánh sáng chiếu khắp nơi chư Thiên chúng ta cùng nhau ủng hộ Bồ-tát thành tựu Phật đạo”. Chư Thiên dùng các loại hương hoa, y phục cõi trời, cam lồ tự nhiên để cúng dường. Trong trường hợp này, Bồ-tát dẫn dắt chư Thiên, loài người đạt được thần túc, đều được lợi ích. Trong quá khứ hằng hà sa Bồ-tát tu tập mười Địa được hạnh thanh tịnh đều ở nơi đây biểu hiện thần túc, nhất tâm quán sát, tìm cầu phương cách, có thể hiện các việc biến hóa, dùng sức tinh tấn thành tựu đạo quả, hành động tự tại không gì nghịch lại được, muốn giáo hóa ai thì hàng phục được họ, xét rõ căn cơ đều khiến được đầy đủ kết quả, ma hoặc ma trời không thể quấy nhiễu.

Lúc ấy, Bồ-tát dùng Thiên nhãn quán sát tam thiên đại thiên thế giới, có người có dâm dục, sân hận, ngu si, không dâm dục, sân hận, ngu si; có người có hạnh thanh tịnh, có người có định ý, không có định ý, có người có loạn ý, không có loạn ý. Bồ-tát đều biết và phân biệt ý muốn của các căn. Bồ-tát dùng thiên nhĩ nghe tiếng của chúng sinh có thể tùy theo thứ lớp biết âm thanh của họ để giáo hóa. Bồ-tát dùng sức thần túc nhập vào chánh định thấy rõ tất cả ý muốn căn tánh của người, thấy được nguồn gốc từ đâu

đến. Đó là Bồ-tát thực hành thân tức.

Lúc ấy, Bồ-tát lại suy nghĩ: Căn, Lực, bảy Giác chi, tám Thánh đạo, tín, niệm, tinh tấn, định ý, tuệ căn. Bồ-tát thường dùng trí thần thông vi diệu, quán sát có bao nhiêu chúng sinh thành tựu, Căn, Lực, Giác chi, Thánh đạo, các tuệ thần thông. Lúc ấy, Bồ-tát dùng tha tâm thông quán chúng sinh ở trước mặt: Hoặc có người tín căn thành tựu đầy đủ, thường tu pháp tám Thánh đạo bình đẳng, tâm luôn chánh kiến không ở cõi ma, tin biết sinh tử thống khổ vô lượng, lại biết Niết-bàn an lạc vô vi, tin có Tam bảo sáng suốt ở thế gian, không tin chín mươi sáu phái ngoại đạo; đối với các thông tuệ không còn nghi ngờ, tích chứa nhiều công đức làm hưng thịnh chánh pháp, ở trong đờ giữ vững tâm tin không khó. Bồ-tát dùng trí thần thông vi diệu không chướng ngại, quán sát các chúng sinh ấy ngày đêm tu hành tinh tấn, ngồi, nằm, kinh hành, tâm không lười biếng, nhờ sự tinh tấn nên các căn đầy đủ giống như y trời bao trùm khắp bốn phương trên, dưới bằng nhau không chênh lệch. Bấy giờ, có người đến một phía cầm một góc y, đưa lên, di chuyển thì ba góc kia di chuyển theo, tinh tấn căn cũng vậy. Nếu có người tu tập tinh tấn căn thì nên biết người ấy đầy đủ tất cả các pháp. Nhờ có tinh tấn biến thành tựu niệm căn. Tâm không tán loạn gọi là định căn; thường dùng phương tiện giữ tâm một chỗ, phân biệt thiện ác, tâm như hư không, đó là tuệ căn.

Bồ-tát bậc thứ mười vào định thần thông vi diệu, đoán biết tướng thọ thai của chúng sinh, phân biệt nam, nữ, nam căn, nữ căn, một đời, mười đời, trăm đời, ngàn đời đến vô số đời đều hiểu rõ không cùng tận. Đó là Bồ-tát tu tập đầy đủ pháp môn, suy nghĩ các quả vị, trí tuệ biện tài không ai sánh bằng, ngay nơi tâm niệm chấn động đến các cõi nước khắp mười phương, đi khắp các cõi nước chư Phật, chiếu ra ánh sáng. Người nào thấy ánh sáng này đều được độ thoát. Bồ-tát đối với các cõi nước lập ra pháp luật, khiến họ tuân theo, phụng từ kinh điển mà hiển thánh, cũng làm an lạc lợi ích dân chúng nước ấy, dẫn dắt họ thâm nhuần diệu pháp, nghe không nhầm chán, thường hiểu rõ dòng họ, quyến thuộc dân chúng nước ấy, giáo hóa không phân biệt, cũng quán biết tâm ý chúng sinh, liền diễn nói sáu pháp Ba-la-mật, chế ngự loạn niệm của chúng sinh, dần dần cứu giúp tất cả, tự làm vị dẫn đường, dẫn dắt chúng sinh đi vào tuệ thiện pháp, thường nhớ nghĩ nhập định nên không mất thân tức, tu tập thần thông, phân biệt ba đời, quá khứ, hiện tại, vị lai, trí tuệ vô biên nên suy nghĩ học kho tạng Phật pháp thâm sâu, cũng nên học tất cả các pháp của chư Phật, hiểu rõ các pháp thì không còn bị lệ thuộc, học cách diễn bày kho tạng bảy báu không cùng tận, học cách dùng trí thần thông thành tựu cõi nước, tu tập ánh sáng chiếu khắp mười phương, được định ý của Phật, chấn động cõi nước; học phương tiện quyền xảo, giáo hóa ngoại đạo, học giữ giới thành tựu đạo quả; học cách hội họp để chuyển pháp luân, tự thân học được thành Nhất thiết trí, sự học thành tựu, không còn gì để học.

Đức Phật bảo Tối Thắng: Đó là Bồ-tát tu hành an trụ Địa thứ mười, tiến tới thành Phật, sửa sinh cõi nước, sinh vào cõi Đâu-suất giáo hóa trời, người, hiện pháp thù thắng đặc biệt, quán sát sinh vào dòng họ cõi nước nào? Từ cõi Đâu-suất hạ sinh xuống nhân gian, trải qua ba mươi sáu lần, xoay vần qua lại giáo hóa trời người, trong thời gian đó độ thoát vô số chúng sinh, bằng phương tiện quyền xảo vượt lên ba cõi không hề khiếp sợ, sau đó hạ sinh xuống nhân gian, tu khổ hạnh sáu năm, chuyên tâm chịu khổ, thân như cây khô. Tuy Ta thị hiện việc khó làm ở cõi này nhưng ta vẫn đang ở cõi Phật khác giáo hóa tám mươi bốn ức na-do-tha, trời, người, đều khiến họ được quả vị không thoái chuyển. Chúng sinh ở cõi này thấy thân hình của ta cho là đã chết, không còn mạng



sống, họ đi qua, chất củi thiêu đốt nhưng không cháy, bằng phương tiện thiện xảo nhất tâm tinh chuyên phát triển thánh tuệ, không bỏ sự mong cầu của chúng sinh, trừ những gì không cần thiết ra thì yêu mến chúng sinh vô cùng. Cho nên Bồ-tát hiện đủ các việc khó làm. Bồ-tát bậc thứ mười khai hóa chúng sinh không lià xa sinh tử, độ mọi người giác ngộ như Phật. Nếu Bồ-tát muốn mau thành đạo Vô thượng, như trong khảm móng tay được than màu hoàng kim, đầy đủ mười lực, bốn vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng thù thắng. Bồ-tát trong một ngày thành tựu quyền thuộc nhưng không cầu các thứ tốt xấu cõi nước ấy, chỉ vì chúng sinh có tâm cao ngạo, khen mình, chê người, không bỏ tự đại, cho nên Bồ-tát hiện thọ bào thai, tùy theo thế gian phương tiện biến hóa, sinh vào chỗ nào cũng làm nhiều lợi ích. Bồ-tát bậc thứ mười không có hiệu Bồ-tát, thường gọi danh hiệu Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Vị Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đại Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, hội đủ vô lượng phước, được chư Phật ủng hộ, được chư Thiên bảo vệ, đã diễn nói pháp thì có nhân duyên đúng thời thích hợp làm gì cũng lợi ích cả.

Tối Thắng nên biết! Sở dĩ gọi là cõi Phật vô hiệu, là vì cách đây bảy mươi bảy hàng hà sa cõi nước chư Phật về hướng Đông nam, có thế giới kia gọi là Nhân hiền, Đức Phật gọi là Thiên Nhân. Nước ấy không có đạo Thanh văn. Duyên giác, không có danh hiệu cũng không có pháp sinh diệt, cùng tuyên trao cho nhau biết giải thoát là không nên chấp giải thoát, nghe pháp không được giải thoát, hiểu rõ không khó, cũng không còn ba độc dâm dục, sân giận, ngu si, ghi nhớ tất cả thật không cùng tận. Ta làm việc Phật sự ở cõi nước kia, chúng sinh ở đây cũng không biết chỗ ở của ta. Đó là những điều Bồ-tát đã đạt được. Đó là Bồ-tát bậc thứ mười trụ trong mười Địa làm thanh tịnh hành động của mình.

M